Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu[1] không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

[1] Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT), trong trường hợp này, nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

- Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

- E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

Stt	**Nội dung đánh giá**		**Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt**	**Yêu cầu**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Năng lực của nhà thầu	Nhà thầu phải có đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế theo quy định của pháp luật.	Đạt	Nhà thầu cung cấp kèm theo E-HSDT tài liệu chứng minh nhà thầu đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế theo quy định của pháp luật. Tài liệu cung cấp phải còn hiệu lực và đã được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử về quản lý thiết bị y tế trước thời điểm đóng thầu.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
2	Tính hợp lệ của hàng hóa	Hàng hóa do nhà thầu chào phải nêu rõ tên thương mại (nếu có), ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, tên hãng sản xuất, hãng chủ sở hữu, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Hàng hóa phải đủ điều kiện lưu hành theo quy định của pháp luật.	Đạt	Nhà thầu cung cấp các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa tham chiếu tại Mục 1 Chương V- Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
3	Năm sản xuất, đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa	Hàng hóa do nhà thầu chào có năm sản xuất, đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng phù hợp đáp ứng yêu cầu tại Mục 1 Chương V E-HSMT.	Đạt	Nhà thầu cung cấp catalogue/ tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất/ đại diện của nhà sản xuất tại Việt Nam hoặc tài liệu khác tương đương để chứng minh rằng hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật theo đúng quy định tại Mục 1.2 Chương V E-HSMT. Các tài liệu này phải được dịch sang tiếng Việt nếu là tiếng nước ngoài. Ngoài ra, nhà thầu nộp kèm E-HSDT Bảng thông tin đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa theo
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
				Mẫu tại Mục 1.3 Chương V E-HSMT.
4	Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng của hàng hóa	Nhà thầu có cam kết cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ như sau khi bàn giao hàng hóa: - Giấy chứng nhận xuất xứ, Giấy chứng nhận chất lượng, tờ khai hải quan (thông quan) hoặc tài liệu chứng minh tương đương trong trường hợp hàng hóa chào thầu là hàng nhập khẩu. - Giấy chứng nhận xuất xưởng của nhà sản xuất hoặc tài liệu chứng minh tương đương trong trường hợp hàng hóa chào thầu được sản xuất tại Việt Nam.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng các nội dung về Tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng của hàng hoá yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
5	Thời gian thực hiện gói thầu	Nhà thầu đề xuất/cam kết nội dung sau: Thời gian thực hiện gói thầu là trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Đạt	Nhà thầu có đề xuất/cam kết đáp ứng các nội dung về thời gian thực hiện gói thầu theo yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
6	Cam kết về hàng hoá	Nhà thầu có cam kết các nội dung sau: Hàng hóa mới 100%, sản xuất (máy chính) năm 2025 trở đi; giá chào thầu đã bao	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết về hàng hóa đáp ứng các nội dung yêu cầu tại Cột (3) bảng này.

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
		gồm chi phí đóng gói, bảo quản, vận chuyển, bàn giao đến nơi sử dụng; chi phí lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, bảo hành, bảo trì theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; chi phí kiểm định ban đầu (nếu có) và thuế, phí theo quy định của pháp luật.		
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
7	Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, sửa chữa	Nhà thầu có cam kết các nội dung sau: - Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng kể từ khi hai bên kí kết biên bản bàn giao, nghiệm thu hàng hóa; - Định kỳ thực hiện bảo trì theo quy định của nhà sản xuất trong suốt thời gian bảo hành. - Trong vòng 48 giờ tính từ khi nhà thầu nhận được thông báo của đơn vị sử dụng về những vấn đề phát sinh của hàng hóa trong thời hạn bảo hành, nhà thầu phải có mặt để tiến hành kiểm tra, có giải pháp khắc phục các hư hỏng, khuyết tật thuộc phạm vi bảo hành theo quy định của nhà sản xuất. Toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng,	Đạt	Nhà thầu dự thầu có cam kết đáp ứng nội dung về bảo hành, bảo trì, sửa chữa của hàng hóa theo yêu cầu tại Cột (3) bảng này.

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
		khuyết tật Nhà thầu phải chịu toàn bộ. - Cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và thay thế phụ tùng chính hãng trong thời gian tối thiểu 08 năm kể từ ngày hàng hóa được bàn giao và nghiệm thu.		
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
8	Cam kết về thu hồi đổi trả hàng hoá	Nhà thầu có cam kết thu hồi, đổi trả (một đổi một) hàng hóa trong trường hợp hàng hóa cung cấp nhưng không đảm bảo yêu cầu chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật mà không do lỗi của đơn vị sử dụng hoặc khi có yêu cầu của cơ quan chức năng.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng các nội dung về thu hồi đổi trả hàng hoá yêu cầu tại Cột (3) bảng này
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
9	Sự phù hợp với địa lý, môi trường, khí hậu và hệ thống thiết bị điện tại đơn vị sử dụng.	Nhà thầu cam kết các nội dung sau: - Các hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường và khí hậu tại Việt Nam, không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường. - Phù hợp với hệ thống thiết bị điện tại đơn vị sử dụng.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng các nội dung về sự phù hợp với địa lý, môi trường, khí hậu và hệ thống thiết bị điện tại đơn vị sử dụng yêu cầu tại Cột (3) bảng này
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
10	Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	Kể từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu: Nhà thầu cam kết không có hợp đồng vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết đáp ứng nội dung yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
		Kể từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu: Nhà thầu có hợp đồng vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 theo thông tin được công khai trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	Không đạt	
Kết luận: "Đạt" khi đáp ứng tất cả nội dung trên**, "Không đạt"** khi không đáp ứng một trong các nội dung nêu trên				

Ghi chú: *Đối với các nội dung yêu cầu nhà thầu cam kết tại bảng yêu cầu kỹ thuật trên, nếu trong E-HSDT nhà thầu nộp, không có hoặc không nhắc đến nội dung cam kết đó, trong quá trình đánh giá E-HSDT Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu làm rõ. Trường hợp sau khi có yêu cầu làm rõ, nhà thầu vẫn không cam kết hoặc cam kết không đúng nội dung đã yêu cầu tại E-HSMT, thì nhà thầu sẽ được đánh giá là "Không đạt" ở các tiêu chí trên.*

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.